TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/5/2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Trường Lâm**
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà **Lê Ái Nguyên**
Bà **Nguyễn Hồng Lành**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2018/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc: *"ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Vũ L** – sinh năm 1990
Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
- *Bị đơn*: Chị **Nguyễn Hồng G** – sinh năm 1991
Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
Chổ ở hiện nay: ấp C, xã B, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
Chị **Phan Thị Út Đ** – sinh năm 1996
Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Anh L, chị G có mặt tại phiên tòa; chị Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2017, các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Vũ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh L và chị G tổ chức đám cưới và sống chung với nhau vào ngày 24-25/02/2015 âm lịch, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 08/10/2015.

Sau ngày cưới, anh L và chị G sống bên nhà anh L. Trong hôn nhân không có mâu thuẫn nhưng vào ngày 10/3/2017 âm lịch, chị G tự ý về nhà mẹ ruột ở và muốn vợ chồng cất nhà ở riêng nhưng anh L là con một phải ở chung với cha mẹ. Anh L nhận thấy chị G không tôn trọng anh nên cả hai đã ly thân từ ngày 10/3/2017 âm lịch đến nay. Anh L xác định không còn tình cảm với chị G nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân, anh L và chị G có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Q - sinh ngày 01/5/2016, chị G trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ ngày ly thân đến nay. Khi ly hôn, anh L đồng ý để chị G được quyền tiếp tục nuôi con chung nhưng anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh L xác định tài sản chung có 09 chỉ vàng 24K, chị G đang quản lý từ ngày ly thân đến nay. Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2017, anh L yêu cầu chị G chia đôi 09 chỉ vàng 24k. Đến ngày 05/3/2018, anh L có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tài sản chung là 09 chỉ vàng 24k mà chị G đang quản lý. Anh L không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, đồng ý việc chị G rút yêu cầu không yêu cầu chị Phan Thị Út Đ trả số tiền 19.000.000đ.

Bị đơn chị Nguyễn Hồng G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị G đồng ý lời trình bày anh L về thời điểm đám cưới, đăng ký kết hôn cũng như thời gian ly thân. Chị G đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân, chị G và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Q - sinh ngày xx/xx/2016, chị G trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ ngày ly thân đến nay. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: chị G thống nhất lời trình bày của anh L tài sản chung có 09 chỉ vàng 24k, chị G là người quản lý tài sản chung sau khi ly thân. Chị G đồng ý với anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Ngày 19/01/2018, chị G yêu cầu chị Phan Thị Út Đ trả số tiền vay 19.000.000đ nhưng đến ngày 05/3/2018, chị G xin rút toàn bộ yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Phan Thị Út Đ trả số tiền vay 19.000.000đ trong cùng vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Út Đ vắng mặt nhưng có lời khai tại Tòa án có nội dung: Không thừa nhận có vay của chị Nguyễn Hồng G số tiền 19.000.000đ nên không đồng ý với yêu cầu của chị G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi khởi kiện đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Út Đ vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa không có lý do là vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: anh L và chị G tự nguyện sống chung với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát

sinh nhiều mâu thuẫn nên ly thân vào ngày 10/3/2017 âm lịch đến nay; anh L và chị G thuận tình ly hôn, căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh L và chị G. Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hồng Q - sinh ngày xx/xx/2016, chị G trực tiếp nuôi dưỡng con chung từ ngày ly thân đến nay. Chị G yêu cầu nuôi con chung và được anh L đồng ý. Do đó có cơ sở giao cháu Q cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, anh L được quyền thăm nom con chung mà không ai cản trở.

Về cấp dưỡng: chị G yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật nhưng anh L không đồng ý cấp dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: "cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con". Anh L không đồng ý cấp dưỡng với lý do lỗi ly hôn là do chị G và anh L không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con là không có cơ sở để chấp nhận. Buộc anh L cấp dưỡng nuôi cháu Q – sinh ngày xx/xx/2016 với số tiền 650.000đ/tháng đến khi cháu Q tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2017, anh L yêu cầu chia đôi 09 chỉ vàng 24k do chị G đang giữ, ngày 05/3/2018 anh L có đơn rút yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chia đôi 09 chỉ vàng 24k. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu chia tài sản của anh L.

Tại đơn khởi kiện ngày 19/01/2018, chị G yêu cầu chị Phan Thị Út Đ trả 19.000.000đ để chị và anh L chia đôi. Ngày 05/3/2018, chị G có đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Phan Thị Út Đ hoàn trả 19.000.000đ. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu của chị G.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Anh L yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung khi ly hôn, chị G có địa chỉ thường trú tại ấp A, xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, chị Phan Thị Út Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Út Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Hội đồng xét xử xét thấy, anh L và chị G tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của anh L và chị G là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa, anh L và chị G xác định đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, không thể kéo dài và thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử có cơ sở ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự.

[4] Về con chung: anh L và chị G thống nhất xác định có một con chung tên Nguyễn Thị Hồng Q - sinh ngày xx/xx/2016, hiện tại chị G đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh L và chị G thống nhất sau khi ly hôn, chị G được quyền tiếp tục nuôi con chung, sự thỏa thuận của anh L và chị G là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận cho chị G được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung như sự tự nguyện của các đương sự; hiện tại, chị G là người trực tiếp nuôi con chung nên không phải buộc anh L giao con cho chị G. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Xét yêu cầu cấp dưỡng: chị G yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định pháp luật nhưng anh L không đồng ý cấp dưỡng. Tại phiên tòa, anh L xác định việc ly hôn do lỗi của chị G tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và hiện tại anh L không có khả năng để cấp dưỡng nuôi con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì *"cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*, do đó lời trình bày của anh L không có cơ sở chấp nhận. Do chị G yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng cháu Nguyễn Thị Hồng Q - sinh ngày xx/xx/2016 định kỳ hàng tháng bằng ½ mức lương tối thiểu là 650.000đ/tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu Q tròn 18 tuổi là phù hợp quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung: tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2017, anh L yêu cầu chị G chia đôi số tài sản chung là 09 chỉ vàng 24k do chị G đang quản lý. Đến ngày 05/3/2018, anh L có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện, đồng ý để chị G giữ 09 chỉ vàng 24k để nuôi con, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình tố tụng, chị G thừa nhận khi ly thân có giữ 09 chỉ vàng 24k là tài sản chung của chị và anh L, chị G đồng ý việc anh L rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung. Xét thấy, việc anh L rút yêu cầu về tài sản chung là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử. Đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Ngày 19/01/2018, chị G yêu cầu chị Phan Thị Út Đ trả số tiền vay 19.000.000đ để chị và anh L chia tài sản chung. Chị G và anh L xác định số tiền 19.000.000đ cho chị Út Đ vay là tài sản chung, tuy nhiên việc cho vay không có làm biên nhận hoặc hợp đồng, chỉ diễn ra giữa chị G với chị Út Đ, không có người chứng kiến. Chị Út Đ không thừa nhận có vay từ chị G số tiền 19.000.000đ nên không đồng ý theo yêu cầu của chị G. Đến ngày 05/3/2018, chị G xác định chưa có đủ chứng cứ để chứng minh cho chị Út Đ vay tiền nên chị G có đơn xin rút yêu cầu lại không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L đồng ý việc chị G rút yêu cầu. Xét thấy, việc chị G rút yêu cầu là tự nguyện, phù hợp quy định của luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử. Đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự xác định không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết thêm vấn đề nào khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: anh L chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ và án phí cấp dưỡng là 300.000đ, tổng cộng 600.000đ. Anh L đã dự nộp tạm ứng 685.000đ tại biên lai số 0010423 ngày 12/12/2017 được chuyển sang thu án phí 600.000đ, hoàn lại anh L số tiền 85.000đ.

Chị G không phải nộp án phí, hoàn trả cho chị G số tiền tạm ứng 300.000đ theo lai thu số 0010489 ngày 19/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Vũ L với chị Nguyễn Hồng G.

2. Về quan hệ con chung: ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: giao con chung tên Nguyễn Thị Hồng Q - sinh ngày xx/xx/2016 cho chị Nguyễn Hồng G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Buộc anh Nguyễn Vũ L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Hồng Q - sinh ngày xx/xx/2016 với mức 650.000đ/tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến ngày cháu Q tròn 18 tuổi.

3. Về tài sản chung:

Đình chỉ xét xử do anh Nguyễn Vũ L rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung là 09 (chín) chỉ vàng 24k.

Đình chỉ xét xử do chị Nguyễn Hồng G rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chị Phan Thị Út Đ trả số tiền 19.000.000đ (mười chín triệu đồng).

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự xác định không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí*:* anh L chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ và án phí cấp dưỡng là 300.000đ, tổng cộng 600.000đ. Anh L đã dự nộp tạm ứng 685.000đ tại biên lai số 0010423 ngày 12/12/2017 được chuyển sang thu án phí 600.000đ, hoàn lại anh L số tiền 85.000đ.

Chị G không phải nộp án phí, hoàn trả cho chị G số tiền tạm ứng 300.000đ theo lai thu số 0010489 ngày 19/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết công khai bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Lư Trường Lâm